

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

-----***-----

Bản án số: **372/2020/HC-PT**

Ngày: 16/10/2020

V/v: *Khiếu kiện quyết định phê duyệt
phương án bồi thường hỗ trợ do thu
hồi đất.*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----o0o-----

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Hưng;

Các Thẩm phán: Ông Vũ Minh Tuấn;

Bà Nguyễn Phương Hạnh.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vy Minh Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Vĩnh, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 103/2020/TLPT-HC ngày 20 tháng 02 năm 2020, do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 127/2019/HCST ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 7385/2020/QĐ-PT ngày 24 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà Phạm Thị Minh T, sinh năm 1972;

NDKNKTT: Tổ 17A phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội;

Nơi ở: P601 Tòa nhà T, khu đô thị B, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội.

Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân quận T, thành phố Hà Nội.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: Số 9 đường K, quận T, thành phố Hà Nội.

(Xin xét xử vắng mặt)

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Địa chỉ: Số 185 G,

quận Đ, thành phố Hà Nội, (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân phường K, quận T, thành phố Hà Nội; Địa chỉ: 162/27/01 Phố K, K, quận T, thành phố Hà Nội, (vắng mặt);

2. Ông Trần Văn P, sinh năm 1951; NĐKNKTT: Tổ 17A phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội; Nơi ở: P601 Tòa nhà T, khu đô thị B, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Thực hiện Dự án cải tạo Hồ K thuộc Dự án thoát nước nhằm cải thiện môi trường Hà Nội - giai đoạn II trên địa bàn quận T, thành phố Hà Nội; UBND quận T đã ban hành Quyết định số 3224/QĐ-UBND ngày 30-6-2014 thu hồi 76,12m² đất đối với bà Phạm Thị Minh T đang sử dụng tại tổ 9, phường K, quận T, thành phố Hà Nội. UBND quận T đã 4 lần phê duyệt hỗ trợ và phê duyệt điều chỉnh, bổ sung hỗ trợ khi thu hồi đất đối với bà Phạm Thị Minh T. Cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Tại Quyết định số 3342/QĐ-UBND ngày 30-6-2014 của UBND quận T phê duyệt Phương án hỗ trợ cho bà Phạm Thị Minh T, như sau:

- Hỗ trợ theo giá đất nông nghiệp 252.000 đồng/m² đối với 76,16m², bằng 19.182.000 đồng.
- Hỗ trợ 30% theo giá đất ở với hệ số k=1,6 đối với 50m², bằng 262.080.000 đồng.
- Hỗ trợ về tài sản trên đất bằng 12.970.288 đồng.

Tổng số tiền hỗ trợ là 294.233.000 đồng (*hai trăm chín mươi tư triệu hai trăm ba mươi ba đồng*).

Lần thứ hai: Tại Quyết định số 2861/QĐ-UBND ngày 14-7-2015, UBND quận T phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Phương án hỗ trợ cho bà Phạm Thị Minh T, như sau:

- Hỗ trợ theo giá đất ở với hệ số k=1,6 đối với 76,12m², bằng 1.329.968.640 đồng.
- Hỗ trợ về tài sản trên đất bằng 68.862.778 đồng.
- Khấu trừ nghĩa vụ tài chính 33.249.216 đồng.
- Tổng số tiền được điều chỉnh, bổ sung lần 1 là 1.067.349.000 đồng (*một tỷ không trăm sáu mươi bảy triệu ba trăm bốn mươi chín nghìn đồng*).

Lần thứ ba: Tại Quyết định số 4634/QĐ-UBND ngày 06-10-2015, UBND quận T phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Phương án bồi thường, hỗ trợ cho bà Phạm Thị Minh T, như sau:

- Hỗ trợ theo giá đất ở với hệ số k=1,6 đối với 76,12m², bằng 1.329.968.640 đồng
- Hỗ trợ về tài sản trên đất bằng 64.862.779 đồng.
- Khấu trừ nghĩa vụ tài chính 59.643.360 đồng.

Tổng các khoản được hỗ trợ là 1.422.878.298 đồng (*một tỉ bốn trăm hai mươi hai triệu tám trăm bảy mươi tám nghìn hai trăm chín mươi tám đồng*).

Số tiền được điều chỉnh, bổ sung là 61.296.000 đồng.

Lần thứ tư: Tại Quyết định số 5681/QĐ-UBND ngày 11-12-2015, UBND quận T phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Phương án bồi thường, hỗ trợ cho bà Phạm Thị Minh T, như sau:

- Hỗ trợ theo giá đất ở với hệ số $k=1,6$ đối với $76,12m^2$, bằng 1.417.658.880 đồng.

- Hỗ trợ về tài sản trên đất bằng 84.136.440 đồng.

- Khấu trừ nghĩa vụ tài chính 35.441.472 đồng.

Tổng các khoản được hỗ trợ là 1.466.353.848 đồng (*một tỉ bốn trăm sáu mươi sáu triệu ba trăm năm mươi ba nghìn tám trăm bốn mươi tám đồng*).

Số tiền được điều chỉnh, bổ sung là 43.476.000 đồng.

Không đồng ý với Quyết định số 2861/QĐ-UBND ngày 14-7-2015 của UBND quận T, bà Phạm Thị Minh T đã khiếu nại. Tại Quyết định số 4734/QĐ-CTUBND ngày 12-10-2015 Chủ tịch UBND quận T đã giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Phạm Thị M với nội dung khiếu nại không có cơ sở.

Bà Phạm Thị Minh T tiếp tục khiếu nại lần hai. Tại Quyết định số 2489/QĐ-UBND ngày 19-5-2016 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội đã đồng ý với kết quả giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND quận T.

Không đồng ý với phương án đã được phê duyệt, phê duyệt bổ sung và kết quả giải quyết khiếu nại, vào các ngày 04-8-2016, 05-10-2016 và 21-10-2016 bà Phạm Thị Minh T khởi kiện vụ án hành chính.

Lý do khởi kiện của bà Phạm Thị Minh T như sau:

- Về loại đất: Nguồn gốc $76,12m^2$ đất thuộc khu vực ven đầm sen do bà Phạm Thị Minh T nhận chuyển nhượng của bà Trần Lê O ngày 09-10-2006. Theo Giấy cho phép sử dụng đất làm nhà ở số 62 ngày 15-12-1991 của UBND xã K, huyện T (nay là phường K, quận T) thì bà Trần Lê O được quyền sử dụng $200m^2$ đất làm nhà ở. Bà Phạm Thị Minh T cho rằng $76,12m^2$ bị thu hồi là đất thổ cư nhưng tại các Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và các phê duyệt điều chỉnh, bổ sung đều xác định $76,12m^2$ đất công (đất đầm) do UBND xã K quản lý.

Bà Phạm Thị Minh T còn cho rằng $76,12m^2$ đất có đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng loại đất thổ cư theo quy định tại Điều 50 Luật Đất đai 2003 và Điều 100 Luật đất đai 2013, phải được bồi thường theo giá đất ở. UBND quận T chỉ hỗ trợ theo giá đất ở với hệ số $k=1,6$ bằng $18.624.000đ/m^2$ là không đúng.

- Về vị trí đất: Bà Phạm Thị Minh T cho rằng $76,12m^2$ đất phải ở vị trí 2 đường H vị theo sơ đồ hiện trạng ngày 01-7-1993 của UBND xã K cung cấp thì diện tích đất này có mặt cắt ngang tiếp xúc với đường 6m. UBND quận T xác

định thửa đất ở vị trí 3 đường H là không đúng.

- Về giá đất: Bà Phạm Thị Minh T cho rằng từ việc xác định không đúng loại đất, vị trí đất như nêu trên nên UBND quận T áp giá hỗ trợ không đúng. Quyết định thu hồi đất từ năm 2009 nhưng đến năm 2015 UBND quận T mới ban hành phê duyệt điều chỉnh bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ là chậm gần 6 năm. Quyết định 5681/QĐ-UBND được UBND quận T ban hành ngày 11-12-2015 nhưng lại căn cứ Văn bản số 442/STC-VG ngày 24-01-2015 của Sở Tài chính Hà Nội để áp dụng giá đất của năm 2014 là không đúng, vì khung giá đất năm 2015 đã tăng hơn so với năm 2014.

- Về tài sản trên đất: Bà Phạm Thị Minh T cho rằng UBND quận T chỉ hỗ trợ 45,08m² với tỉ lệ 50% giá trị nhà xây và công trình phục vụ sinh hoạt là không đúng với quy định tại Điều 24 Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13-8-2009, Điều 89 Luật Đất đai 2013 và Điều 9 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014. Bà Phạm Thị Minh T yêu cầu phải được bồi thường toàn bộ tài sản, công trình xây dựng trên đất.

- Về tái định cư: Bà Phạm Thị Minh T cho rằng bị thu hồi đất ở có nguồn gốc sử dụng hợp pháp, có nhà ở trên đất và đăng ký tạm trú tại vị trí đất bị thu hồi và đã bị thu hồi hết đất ở nên phải áp dụng quy định tại Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 để bố trí nhà ở tái định cư. Tuy nhiên UBND quận T không phê duyệt chính sách tái định cư là không đúng.

- **Đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch & UBND quận T trình bày:** Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Minh T vì cho rằng hoạt động phê duyệt hỗ trợ và phê duyệt điều chỉnh, bổ sung hỗ trợ khi thu hồi 76,12m² đất là đúng pháp luật. Cụ thể:

Căn cứ hồ sơ quản lý đất đai đã xác định 76,12m² đất do bà Phạm Thị Minh T sử dụng bị thu hồi để thực hiện Dự án cải tạo hồ K là một phần thửa đất số 3 diện tích 18.400m², tờ bản đồ số 7 đo vẽ năm 1990, được UBND xã K lập Sổ địa chính hoàn thành năm 1994 ghi nhận là đất Đầm và chủ sử dụng là UBND xã. Trong quá trình quản lý đất đai, một số cán bộ xã K đã vi phạm pháp luật và bị xử lý theo quy định của pháp luật, trong đó có hoạt động cho phép bà Trần Lê O sử dụng 200m² đất làm nhà ở ngày 15-12-1991. Tại Bản án hình sự số 757 ngày 29-9-1995 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã tuyên: “Thu hồi Toàn bộ số đất tại khu vực Đầm H, Đầm S và 2.500m² đất (danh nghĩa cấp cho E26 Phòng không) các bị cáo đã mua đi bán lại bất hợp pháp. Giao cho chính quyền địa phương quản lý và giải quyết theo thẩm quyền”. Căn cứ Giấy xác nhận số 27-1/UBND-ĐC ngày 18-6-2014 của UBND phường K về 76,12 m² đất do bà Phạm Thị Minh T sử dụng là đất Đầm do UBND phường quản lý như đã nêu trên, liên ngành thành phố Hà Nội đã có Văn bản số 283/TTr-BCĐ ngày 15-4-2013 đề xuất và được UBND thành phố chấp nhận tại Văn bản số 3331/UBND-TNMT ngày 13-5-2013 như sau: “Đối với những hộ gia đình được UBND xã bán, có giấy phép làm nhà ở năm 1992, hộ gia đình chưa làm nhà, nay được UBND phường xác nhận sử dụng ổn định, không tranh chấp. Đề nghị được hỗ trợ theo giá đất nông nghiệp quy định tại bản giá đất hàng năm do UBND thành phố quy định và được hỗ trợ 30% giá đất ở đối với phần diện tích 100 m². Phần

diện tích trên 100 m² (nếu có) hỗ trợ theo giá đất nông nghiệp quy định tại Bảng giá đất hàng năm do UBND thành phố quy định”. Trên cơ sở đó UBND quận T đã phê duyệt Phương án hỗ trợ khi thu hồi 76,12 m² đất đối với bà Phạm Thị Minh T tại Quyết định số 3342/QĐ-UBND ngày 30-6-2014.

Sau đó, UBND thành phố Hà Nội có Văn bản số 3626/UBND ngày 28-5-2015 về việc bổ sung chính sách hỗ trợ và tái định cư thực hiện Dự án cải tạo hồ K. Theo đó, đồng ý cho UBND quận T phê duyệt phương án hỗ trợ về đất và công trình kiến trúc trên đất theo Văn bản số 366/TTr-BCĐ ngày 22-5-2015 của Ban chỉ đạo giải phóng mặt bằng thành phố Hà Nội. Theo chủ trương là “Trường hợp hộ gia đình được UBND xã K cho phép sử dụng đất làm nhà ở hoặc biên bản xử lý đất hoặc biên bản bàn giao đất (nhượng bán) trái thẩm quyền năm 1992, các hộ đã nộp tiền để được sử dụng đất, số tiền này đã được nộp vào ngân sách xã, nay các hộ đang sử dụng đất thì được hỗ trợ không quá 100% theo giá đất ở được UBND thành phố phê duyệt cho Dự án và khấu trừ nghĩa vụ tài chính theo quy định”. Trên cơ sở đó, UBND quận T đã ra Quyết định số 2861/QĐ-UBND ngày 14-7-2015 phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Phương án bồi thường, hỗ trợ đối với bà Phạm Thị Minh T.

Do có sự thay đổi vị trí đất theo Văn bản số 642/UBND ngày 24-9-2015 của UBND phường K và Biên bản ngày 17-9-2015 họp liên ngành về việc xác định vị trí 3 ngõ 93 đường Hoàng Văn Thái đối với thửa đất có chiều rộng ngõ nhỏ từ 2 đến dưới 3,5m. Do đó, UBND quận T ban hành Quyết định số 4634/QĐ-UBND ngày 06-10-2015 phê duyệt Phương án điều chỉnh, bổ sung do thay đổi vị trí đất đối với bà Phạm Thị Minh T.

Ngày 30-9-2015, Tổ công tác giải phóng mặt bằng phường K phúc tra hiện trạng sử dụng đất, tài sản trên đất trong phạm vi chỉ giới giải phóng mặt bằng thực hiện dự án. UBND phường K đã có xác nhận số 79/UBND-ĐC ngày 21-10-2015 điều chỉnh bổ sung đối với xác nhận số 27-1/UBND-ĐC ngày 18-6-2014 với nội dung: Bổ sung phần tường gạch 110, diện tích 52,5 m², thời điểm xây dựng sau ngày 01-7-2004 đến trước ngày 22-4-2009 đối với bà Phạm Thị Minh T. Trên cơ sở đó, UBND quận T ban hành Quyết định số 5681/QĐ-UBND ngày 06-10-2015 phê duyệt Phương án điều chỉnh, bổ sung hỗ trợ tài sản là tường xây gạch như nêu trên đối với bà Phạm Thị Minh T.

Ngày 01-10-2015 và ngày 16-10-2015 bà Phạm Thị Minh T đã nhận tiền hỗ trợ tại các phương án đã được UBND quận T phê duyệt như đã nêu trên.

Bà Phạm Thị Minh T chỉ khiếu nại đối với Quyết định số 2861/QĐ-UBND ngày 14-7-2014. Chủ tịch UBND quận T đã xem xét nội dung và giải quyết không chấp nhận khiếu nại, giữ nguyên nội dung đã phê duyệt điều chỉnh, bổ sung hỗ trợ về đất đối với bà Phạm Thị Minh T.

Do đó, nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Minh T.

*** Người bị kiện là Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội trình bày:**

Tại văn bản số 1172/UBND-ĐT ngày 16-3-2017, ông Nguyễn Quốc H, chức vụ Phó chủ tịch UBND thành phố Hà Nội là Người đại diện theo ủy quyền

của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội khẳng định việc giải quyết khiếu nại lần hai có nội dung không chấp nhận khiếu nại của bà Phạm Thị Minh T, đồng ý với kết quả giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND quận T là đúng pháp luật. Bởi vì, diện tích 72,16m² đất mà bà Phạm Thị Minh T sử dụng tại tổ 9, phường K, quận T, thành phố Hà Nội có nguồn gốc là đất Đầm (đất công) do UBND xã K, nay là UBND phường K quản lý. Năm 1991 UBND xã K cho phép bà Trần Lê O sử dụng 200m² đất làm nhà ở, UBND xã K đã thu tiền đền bù hoa màu từ bà Trần Lê O đối với diện tích đất này. Bà Phạm Thị Minh T nhận chuyển nhượng một phần diện tích bằng 72,16m² đất từ bà Trần Lê O. Tại bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2004 và 2006 thể hiện nguồn gốc đất bà Phạm Thị Minh T sử dụng vẫn là đất Đầm. Bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2009 thể hiện trên diện tích đất bà Phạm Thị Minh T sử dụng có nhà. Tại thời điểm thực hiện dự án tháng 10-2013 thể hiện trên đất có nhà và các công trình phục vụ để ở, được UBND phường K xác định bà Phạm Thị Minh T xây nhà ở sau ngày 01-7-2004 và trước ngày 22-4-2009.

Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội thống nhất nội dung giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND quận T đối với bà Phạm Thị Minh T tại Quyết định số 4734/QĐ-UBND ngày 12-10-2015 về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung hỗ trợ về đất và công trình xây dựng trên đất là đúng quy định của pháp luật, phù hợp với thực tiễn được Văn bản số 3331/UBND-TNMT ngày 13-5-2013 và Văn bản số 3626/UBND-TNMT ngày 28-5-2013 của UBND thành phố Hà Nội hướng dẫn, giải quyết khó khăn khi thực hiện dự án và đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của bà Phạm Thị Minh T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

* UBND phường K trình nội dung thống nhất với quan điểm của UBND quận T về xác định loại đất công (đất Đầm) do UBND phường quản lý; thống nhất về nguồn gốc cũng như hiện trạng sử dụng đất, thời điểm phát sinh tài sản của bà Phạm Thị Minh T trên đất và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Ông Trần Văn P xin vắng mặt và thống nhất với quan điểm của vợ là bà Phạm Thị Minh T.

* Kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại cũng như tại phiên tòa, các đương sự không tranh chấp về tài liệu, chứng cứ các bên đã giao nộp cho Tòa án; không yêu cầu, đề nghị Tòa án xác minh, thu thập bổ sung chứng cứ, không tranh chấp pháp lý về thẩm quyền cũng như trình tự, thủ tục mà UBND quận T phê duyệt Phương án và phê duyệt điều chỉnh. Phương án hỗ trợ đối với bà Phạm Thị Minh T cũng như thẩm quyền và trình tự giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND quận T cũng như của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội. Các đương sự cũng thống nhất với chủ trương, mục đích thu hồi đất cũng như loại dự án, thống nhất về số lượng và loại tài sản đã kiểm đếm có liên quan đến giải phóng mặt bằng. Nội dung mâu thuẫn của đương sự là xác định loại đất, vị trí đất để thực hiện chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi thu hồi đất của bà Phạm Thị Minh T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 127/2019/HCST ngày 30/7/2019 Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, quyết định:

Áp dụng Khoản 2 Điều 3, Điều 30, Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 22 Luật tổ chức chính quyền địa phương, Điều 12, Điều 21, Điều 31, Điều 40 Luật Khiếu nại, Điều 44 Luật Đất đai 2003, khoản 6 Điều 22, Điều 69 Luật Đất đai năm 2013, Điều 30, Điều 31 Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 12-8-2009 của Chính phủ, Điều 30 đến Điều 34 và Điều 36 Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND ngày 20-6-2014 của UBND thành phố Hà Nội; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết 326/2016 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

I. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Minh T đề nghị hủy:

1. Quyết định số 3342/QĐ-UBND ngày 30-6-2014 của UBND quận T phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ đối với bà Phạm Thị Minh T;

2. Quyết định số 2861/QĐ-UBND ngày 26-10-2015 của UBND quận T phê duyệt bổ sung Phương án bồi thường, hỗ trợ đối với bà Phạm Thị Minh T;

3. Quyết định số 4634/QĐ-UBND ngày 26-10-2015 của UBND quận T phê duyệt bổ sung Phương án bồi thường, hỗ trợ đối với bà Phạm Thị Minh T;

4. Quyết định số 5681/QĐ-UBND ngày 11-12-2015 của UBND quận T phê duyệt bổ sung Phương án bồi thường, hỗ trợ đối với bà Phạm Thị Minh T;

5. Quyết định số 4734/QĐ-UBND ngày 12-10-2015 của Chủ tịch UBND quận T giải quyết khiếu nại lần đầu đối với Quyết định số 2861/QĐ-UBND ngày 14-7-2015 của UBND quận T;

6. Quyết định số 2489/QĐ-UBND ngày 19-5-2016 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội giải quyết khiếu nại lần hai đối với Quyết định số 2861/QĐ-UBND ngày 14-7-2015 của UBND quận T.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 15/8/2019 người khởi kiện là bà Phạm Thị Minh T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bà Phạm Thị Minh T giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo và trình bày thống nhất với nội dung tại bản án sơ thẩm; đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án hành chính sơ thẩm.

Ngoài ra, bà còn cho rằng tại Quyết định giám đốc thẩm số 67/2014/HS-GĐT ngày 24-11-2014 đã hủy nội dung thu hồi đất trong Bản án hình sự phúc thẩm số 757 ngày 29-9-1995 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Kháng cáo của bà Phạm Thị Minh T trong thời hạn luật định

nên được xem xét giải quyết.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất cũng như tài sản trên diện tích 76,12m² của gia đình bà T (do nhận chuyển nhượng của bà O). Để thực hiện dự án hồ K, UBND quận T căn cứ hướng dẫn và các quy định của pháp luật đã ban hành Quyết định phê duyệt phương án hỗ trợ và cũng như phương án phê duyệt, bồi thường, hỗ trợ diện tích đất, tài sản trên đất cho gia đình bà T và Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tại Quyết định giám đốc thẩm số 67/2014/HS-GĐT ngày 24-11-2014 đã hủy nội dung thu hồi đất trong Bản án hình sự phúc thẩm số 757 ngày 29-9-1995 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Đã xác định về nguồn gốc đất, vị trí đất, giá đất, tái định cư, tài sản trên đất tại thời điểm thu hồi và bổ sung các phương án phê duyệt bồi thường, hỗ trợ cho gia đình bà T và bác yêu cầu khởi kiện của bà T là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà T không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào khác với phiên tòa sơ thẩm. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị Minh T; giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm.

Sau khi xem xét Đơn kháng cáo, nghiên cứu những tài liệu tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bà Phạm Thị Minh T trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét quan hệ pháp luật, đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và xác định tư cách những người tham gia tố tụng là có căn cứ.

Tại phiên Tòa phúc thẩm, những người bị kiện vắng mặt, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, cũng như được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt. Do đó, vụ án được xét xử và những người vắng mặt tại phiên tòa đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, nên việc vắng mặt những người này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ Điều 28 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Điều 44 Luật Đất đai năm 2003, Điều 69 Luật Đất đai năm 2013 Điều 30, Điều 31 Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13-8-2009 của Chính phủ, Điều 30 đến Điều 34 và Điều 36 Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND ngày 20-6-2014 của UBND thành phố Hà Nội; UBND quận T ban hành Quyết định số 3342/QĐ-UBND ngày 30-6-2014, Quyết định số 2861/QĐ-UBND ngày 14-7-2015, Quyết định số 4634/QĐ-UBND ngày 06-10-2015 và Quyết định số 5681/QĐ-UBND ngày 11-12-2015 là đúng thẩm quyền và đảm bảo trình tự, thủ tục.

Chủ tịch UBND quận T ban hành Quyết định số 4734/QĐ-CTUBND ngày 12-10-2015 giải quyết khiếu nại lần đầu và Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội

ban hành Quyết định số 2489/QĐ-UBND ngày 19-5-2016 giải quyết khiếu nại lần hai là đúng thẩm quyền và trình tự, thủ tục quy định tại khoản 8 Điều 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Điều 18, Điều 21, Điều 31, Điều 40 Luật khiếu nại và khoản 1 Điều 36 Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND ngày 20-6-2014 của UBND thành phố Hà Nội.

[2.2] Xét lý do khởi kiện của bà Phạm Thị Minh T.

[2.2.1] Xác định loại đất, vị trí đất và chính sách hỗ trợ khi thu hồi đất.

Các đương sự trong vụ án đều thừa nhận 72,16 m² đất bà Phạm Thị Minh T nhận chuyển nhượng từ bà Trần Lê O. Tuy nhiên, trước đây việc sử dụng đất của bà O không đảm bảo căn cứ xác lập quyền sử dụng hợp pháp theo quy định của pháp luật đất đai mà do hành vi phạm tội của các bị cáo là một số cán bộ của UBND xã K đã bán đất trái pháp luật mà có. Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 757 ngày 29-9-1995 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã tịch thu Toàn bộ diện tích đất liên quan đến tội phạm. Việc bà O sử dụng đất có nguồn gốc từ hành vi phạm tội, đã có quyết định tịch thu nhưng lại chuyển nhượng một phần đất cho bà Phạm Thị Minh T là không phù hợp. Tại Quyết định giám đốc thẩm số 67/2014/HS-GĐT ngày 24-11-2014 đã hủy nội dung thu hồi đất trong Bản án hình sự phúc thẩm số 757 ngày 29-9-1995 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, vì lý do: Vi phạm thẩm quyền thu hồi đất, nhưng đây cũng không là căn cứ xác lập quyền sử dụng đất hợp pháp đối với bà Phạm Thị Minh T. Như vậy, diện tích 72,16m² đất bà Phạm Thị Minh T sử dụng vẫn là đất công, thuộc quản lý của UBND xã K trước đây và nay là UBND phường K. Tuy nhiên, cần xem xét quy định của Nhà nước cũng như phương án bồi thường, hỗ trợ liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà T.

Theo quy định của pháp luật dân sự cũng như pháp luật đất đai thì tại thời điểm năm 2006 bà Phạm Thị Minh T nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ bà O là không hợp pháp, quyền sử dụng đất chưa được nhà nước chứng nhận, hợp đồng không có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền. Nhưng, UBND quận Thanh Xuân xác định người đang quản lý, sử dụng đất để phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư là bà Phạm Thị Minh T là có cơ sở.

Bà Phạm Thị Minh T cho rằng sử dụng đất có nguồn gốc, có giấy tờ và đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Thấy rằng, Giấy cho phép sử dụng đất làm nhà ở số 62 ngày 15-12-1991 của UBND xã K không hợp pháp, không là giấy tờ được quy định tại khoản 1 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003 và khoản 3 Điều 8 Nghị định 197/2004/CP ngày 03-12-2004 của Chính phủ. Theo quy định này thì Giấy tờ về quyền sử dụng đất đai trước ngày 15-10-1993 phải do Cơ quan có thẩm quyền cấp trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Do đó, bà Phạm Thị Minh T yêu cầu được bồi thường về đất theo quy định tại Điều 42 Luật Đất đai năm 2003 là không cơ sở chấp nhận. Căn cứ Điều 14 Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13-8-2009 cũng như Điều 6 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ thì bà Phạm Thị Minh T không đủ điều kiện được bồi thường về đất. Không

có cơ sở xác định chủ sử dụng đất hợp pháp và mục đích sử dụng đất ở như quan điểm của bà Phạm Thị Minh T viện dẫn khoản 3 Điều 8 Nghị định 197/2004/CP ngày 03-12-2004 của Chính Phủ.

Theo quy định tại Điều 14 Luật Đất đai năm 2003 và Điều 11 Luật Đất đai năm 2013 về xác định loại đất thì UBND quận T xác định 72,16m² đất bà Phạm Thị Minh T sử dụng tại địa chỉ tổ 9, phường K, quận T, thành phố Hà Nội là đất công do UBND phường K quản lý là có căn cứ.

Nguồn gốc sử dụng đất của bà Phạm Thị Minh T không hợp pháp nhưng thực tế bà Phạm Thị Minh T đã nhận chuyển nhượng từ bà Trần Lê O và bà O đã nộp tiền vào ngân sách xã như tài liệu trong hồ sơ đã thể hiện. Do đó, UBND quận T phê duyệt hỗ trợ về đất cho bà Phạm Thị Minh T đối với toàn bộ 72,16 m² với mức hỗ trợ 100% giá đất ở, phải khấu trừ nghĩa vụ tài chính là phù hợp quy định của pháp luật và thực tế sử dụng đất. Chính sách này được thể hiện tại Văn bản số 3331/UBND-TNMT ngày 13-5-2013 và Văn bản số 3626/UBND-TNMT ngày 28-5-2013 của UBND thành phố Hà Nội hướng dẫn, giải quyết khó khăn khi thực hiện dự án.

UBND quận T đã có quyết định phê duyệt Phương án hỗ trợ (không phải là bồi thường) về đất đối với bà Phạm Thị Minh T ngay tại thời điểm thu hồi đất ngày 30-6-2014 bằng Quyết định số 3342/QĐ-UBND. Những quyết định của UBND quận T phê duyệt Phương án điều chỉnh hỗ trợ bổ sung với bà Phạm Thị Minh T tại Quyết định số 2861/QĐ-UBND ngày 14-7-2015 và Quyết định số 4634/QĐ-UBND ngày 06-10-2015 là do vận dụng chính sách để hỗ trợ bổ sung thêm quyền lợi cho bà Phạm Thị Minh T theo Văn bản số 3626/UBND-TNMT ngày 28-5-2015 và Văn bản số 642/UBND ngày 24-9-2015 của UBND thành phố Hà Nội.

Do đó, lý do khởi kiện của bà Phạm Thị Minh T về thời điểm áp giá mà UBND quận T phê duyệt hỗ trợ bổ sung là không phù hợp. Trên cơ sở Biên bản họp ngày 17-9-2015 với Sở tài nguyên & Môi trường, Sở Quy hoạch – Kiến trúc và Biên bản cùng ngày 17-9-2015 của UBND phường K xác minh khoảng cách tại vị trí đất của bà Phạm Thị Minh T đến phố K và phố H, UBND quận T điều chỉnh vị trí đất của bà Phạm Thị Minh T là vị trí 3 phố H là phù hợp. Kết quả kiểm tra ngày 17-9-2013 phù hợp với nội dung xác minh của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, theo đó thực tế ngõ 93 H có nhiều điểm mặt cắt ngang nhỏ hơn 3,5 m. Đó là vị trí trước các nhà số 10, nhà số 56 và nhà số 146. Do đó, UBND quận T áp dụng khoản 2 Điều 2 Bản quy định ban hành kèm theo Quyết định số 63/2013/QĐ-UBND ngày 25-12-2013 của UBND thành phố Hà Nội để xác định đất thu hồi của bà Phạm Thị Minh T ở vị trí 3 ngõ 93 đường H là đúng. Bà Phạm Thị Minh T cho rằng diện tích đất của mình giúp ngõ đi có chiều rộng 6 mét để coi là vị trí đường H là không cơ sở.

[2.2.2] Về hỗ trợ công trình kiến trúc trên đất.

Tài sản do bà Phạm Thị Minh T xây dựng trên 72,16m² đất bị thu hồi có nhà cấp 4 cùng các công trình phụ trợ được kiểm đếm và UBND quận T phê duyệt tại Quyết định số 2861/QĐ-UBND ngày 14-7-2015 và Quyết định số

4634/QĐ-UBND ngày 06-10-2015. Thời điểm bà Phạm Thị Minh T sử dụng đất tính từ ngày nhận chuyển nhượng từ bà Trần Lê O, tức năm 2006, nên UBND quận T xác định phát sinh sau 15-10-1993 đến trước ngày có quyết định thu hồi đất (22-4-2009). Việc xây dựng trên đất công (Đầm) là không hợp pháp. Tuy nhiên, tại Văn bản 3331/UBND-TNMT ngày 13-5-2013 của UBND thành phố Hà Nội đã chấp thuận tờ trình của UBND quận T để phê duyệt hỗ trợ bằng 50% đơn giá xây dựng mới là đảm bảo quyền lợi của bà Phạm Thị Minh T.

Bà Phạm Thị Minh T cho rằng ngôi nhà cấp 4 có nguồn gốc nhận chuyển nhượng từ bà Trần Lê O xây dựng từ năm 1992 nhưng không cung cấp được căn cứ chứng minh. Do đó, không cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị Minh T đề nghị được bồi thường 100% giá trị tài sản là nhà và công trình xây dựng trên đất.

[2.2.3] Về chính sách tái định cư.

Theo xác nhận ngày 17-4-2014 của Công an phường K thì bà Phạm Thị Minh T đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 17A, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội. Thời điểm thực hiện giải phóng mặt bằng dự án thoát nước cải thiện môi trường Hà Nội – Dự án II thì bà Phạm Thị Minh T không sinh sống tại diện tích 72,16m² đất bị thu hồi. Do đó, UBND quận T không bố trí tái định cư đối với bà Phạm Thị Minh T là phù hợp với mục 6 Văn bản số 3331/UBND-TNMT ngày 13-5-2013 của UBND thành phố Hà Nội.

Bà Phạm Thị Minh T cho rằng thời điểm đó do mẹ của bà bị ốm, nằm viện nên bà T phải đi chăm sóc. Chồng và các con của bà T cũng phải chuyển đi ở chỗ khác cho thuận tiện cuộc sống. Lý do này của bà Phạm Thị Minh T không cơ sở chấp nhận.

[3] Như vậy, trên cơ sở xác định nguồn gốc sử dụng đất, loại đất và tính đặc thù sử dụng đất của bà Phạm Thị Minh T thì UBND quận T đã ban hành các quyết định phê duyệt hỗ trợ rồi phê duyệt điều chỉnh, bổ sung hỗ trợ về đất và tài sản trên đất đối với bà Phạm Thị Minh T là có căn cứ.

Chủ tịch UBND quận T và Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội giải quyết khiếu nại của bà T và không chấp nhận khiếu nại của bà Phạm Thị Minh T là có căn cứ.

Từ căn cứ trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Minh T là có căn cứ.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm bà T không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của mình khác với sơ thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà T; cần thiết phải giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm và cũng phù hợp với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao về việc giải quyết vụ án.

[5] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị Minh T không được chấp nhận, nên bà T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị hội đồng xét xử không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án:

Bác kháng cáo của bà Phạm Thị Minh T; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 127/2019/HC-ST ngày 30/7/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội

Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Phạm Thị Minh T phải nộp 300.000 đồng, được đối trừ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm số AA/2018/0013459 ngày 28/8/2019 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND CC tại Hà Nội;
- TAND tp Hà Nội;
- VKSND tp Hà Nội;
- Cục THADS tp Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Hưng